

GAN

**TS.BS. Nguyễn Hoàng Vũ
B.M. GIẢI PHẪU
KHOA Y ĐH Y DƯỢC TPHCM**

ĐẠI CƯƠNG

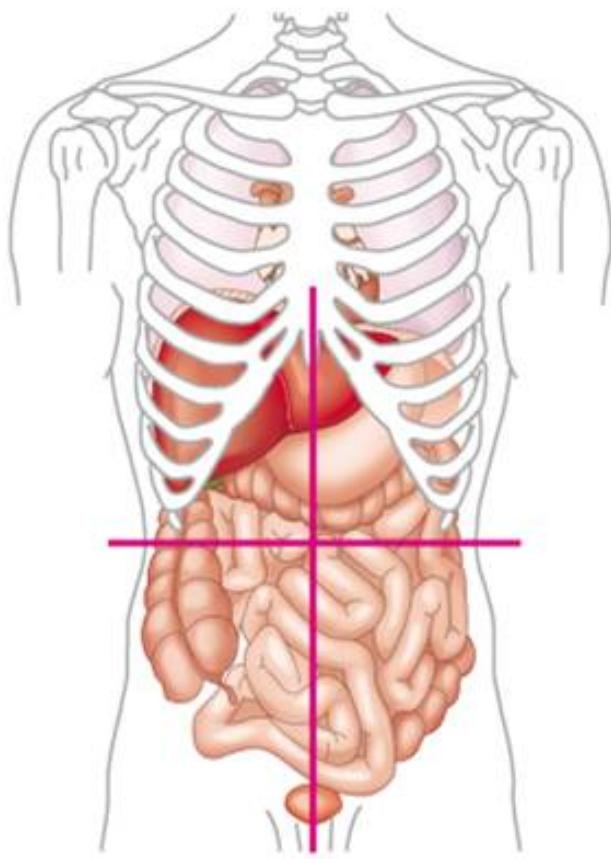
- Tặng đặc
- Ô bụng
- Rất nhiều chức năng: Tạo mật, giải độc, tham gia điều hòa đường máu,...

VỊ TRÍ

Ở bụng, dưới cơ hoành, tầng trên mạc treo kết tràng
ngang, ô dưới hoành phải lấn sang thượng vị.

Thông thường, được che bởi các xương sườn, chỉ sờ
được một phần ở thượng vị.

(Ở trẻ nhỏ có thể sờ thấy gan ở vùng hạ sườn phải)



(c)

Copyright © Pearson Education, Inc., publishing as Benjamin Cummings.

HÌNH THỂ NGOÀI

MẶT HOÀNH 4 phần

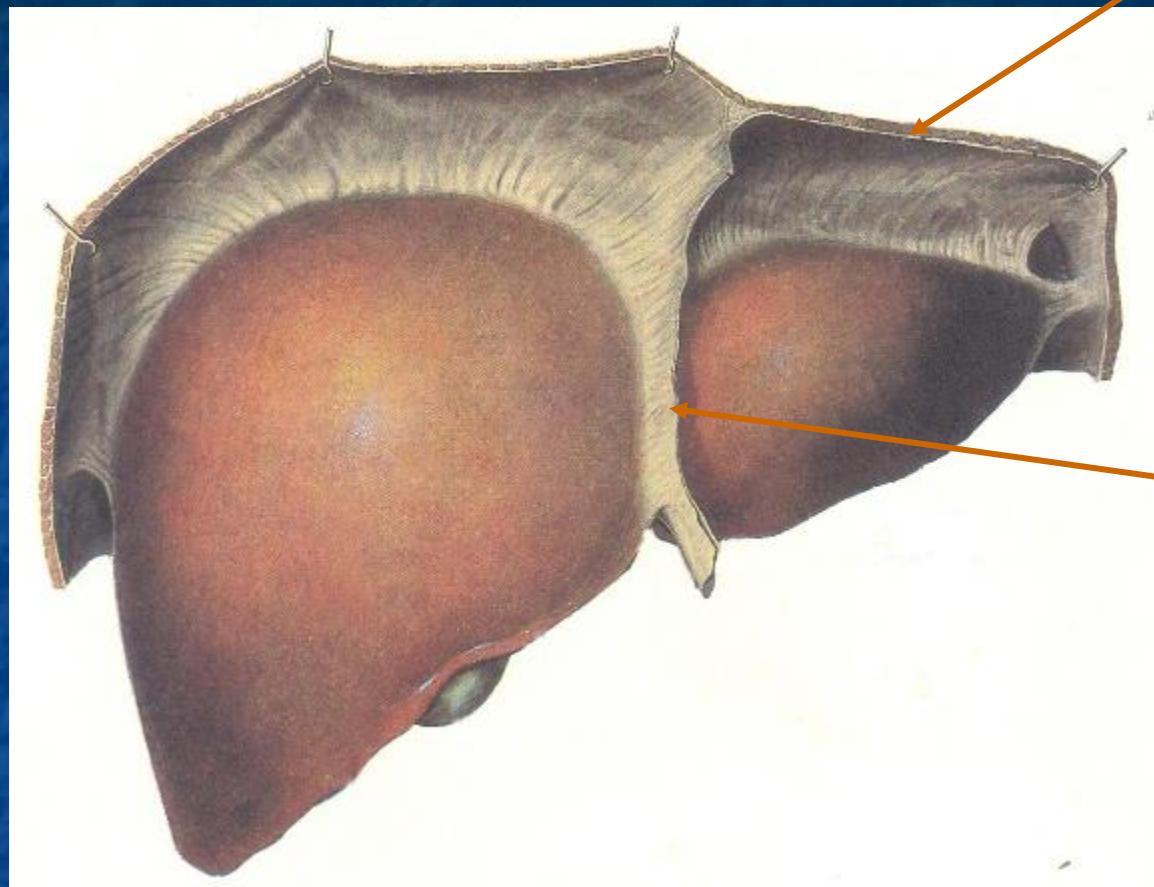
Phần trên: Lồi, ngay dưới cơ hoành

Phần trước: Tiếp xúc cơ hoành và thành bụng trước

Dây chằng liềm.

Phần phải: Xương sườn, ngách màng phổi phải,
một phần đáy phổi phải.

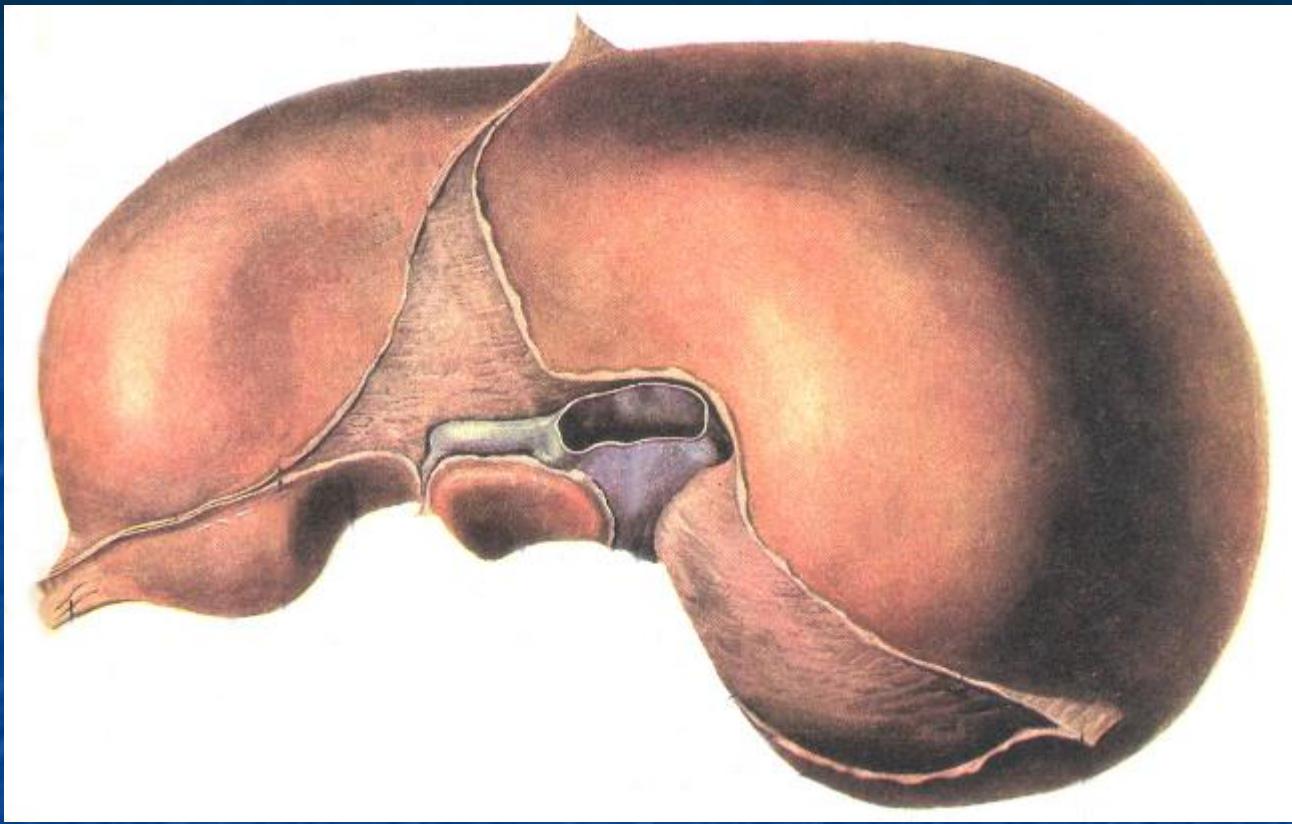
Phần sau: Có TM chủ dưới



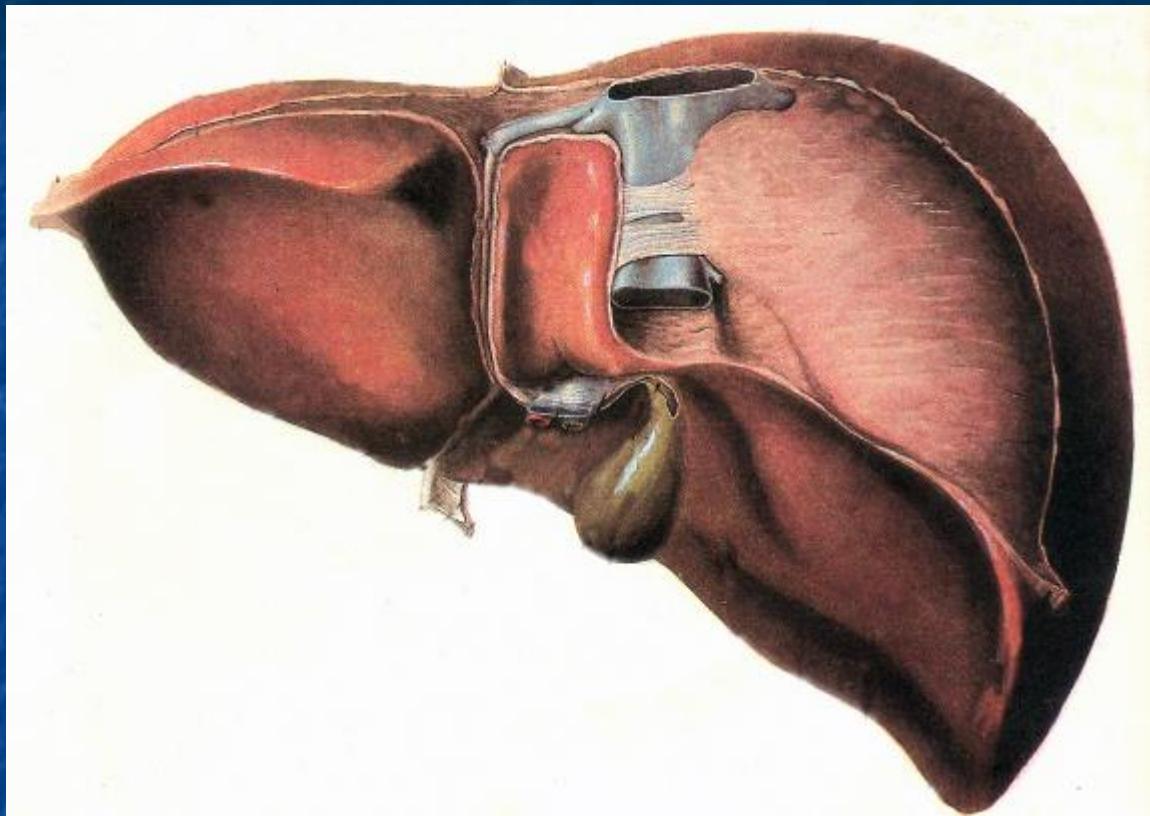
Dây chằng vành

Daây chaèng lieàm

Mặt hoành của gan: Phần trước



Mặt hoành: phần trên



Mặt hoành: Phần sau

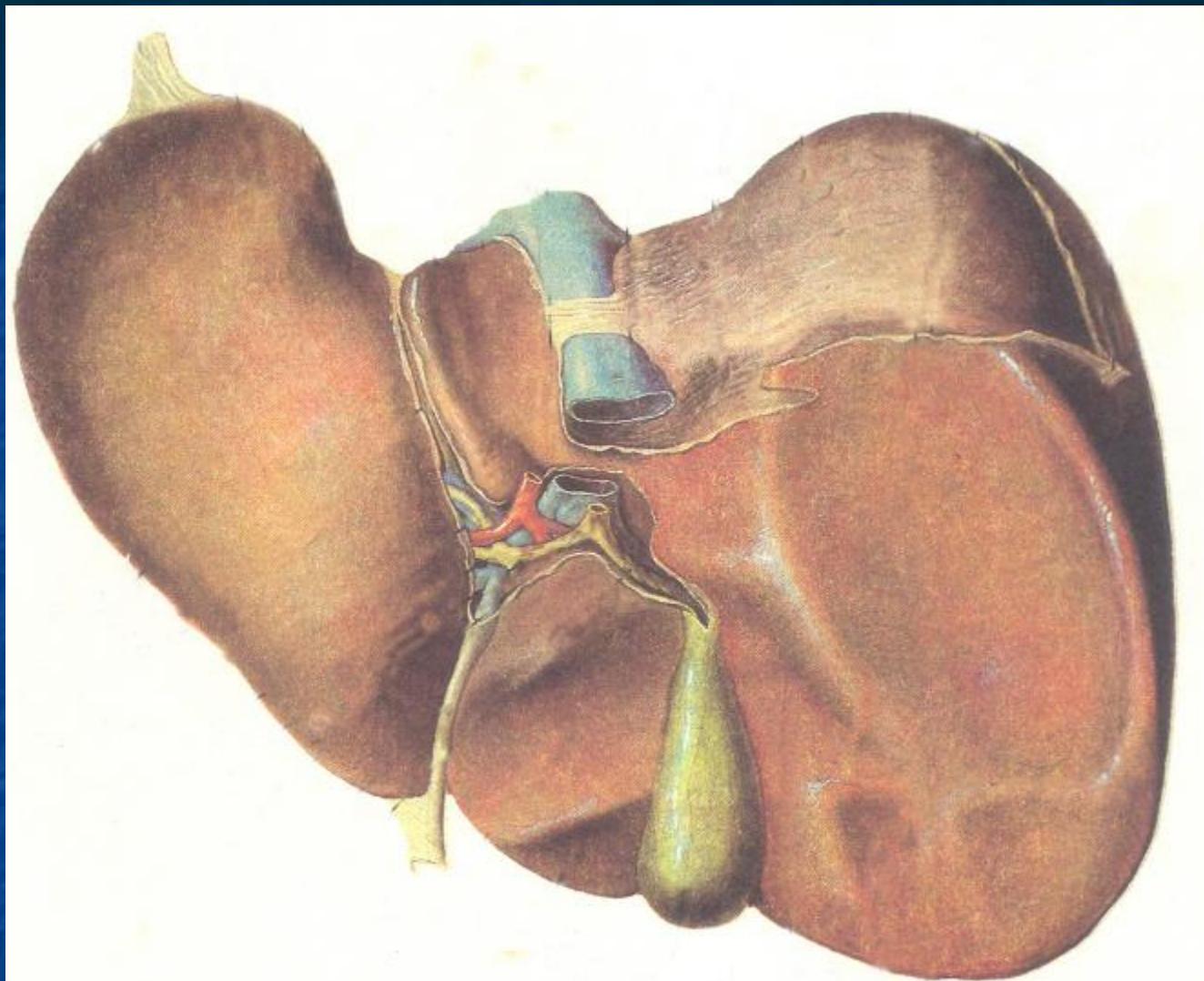
MẶT TANG: Hướng xuống dưới và ra trước, liên quan với các tạng trong ổ bụng.

Có các rãnh:

Rãnh dọc phải: Do hố túi mật (phía trước) và rãnh TM chủ dưới (phía sau).

Rãnh dọc trái: Khuyết dây chằng tròn gan (phía trước) và khe dây chằng TM (phía sau)

Rãnh ngang: Cửa gan



Mặt tang của gan

CÁC DÂY CHẰNG VÀ PHƯƠNG TIỆN CỐ ĐỊNH GAN

Tĩnh mạch chủ dưới: Phía sau; có các TM gan đỗ vào.

Dây chằng hoành – gan: Nối gan với cơ hoành.

Dây chằng vành: là phúc mạc, nối từ gan lên cơ hoành.

Dây chằng tam giác phải và trái: là phúc mạc, hai đầu của dây chằng vành.

Dây chằng liềm: là phúc mạc, treo gan vào cơ hoành và thành bụng trước, còn gọi là dây chằng treo gan.

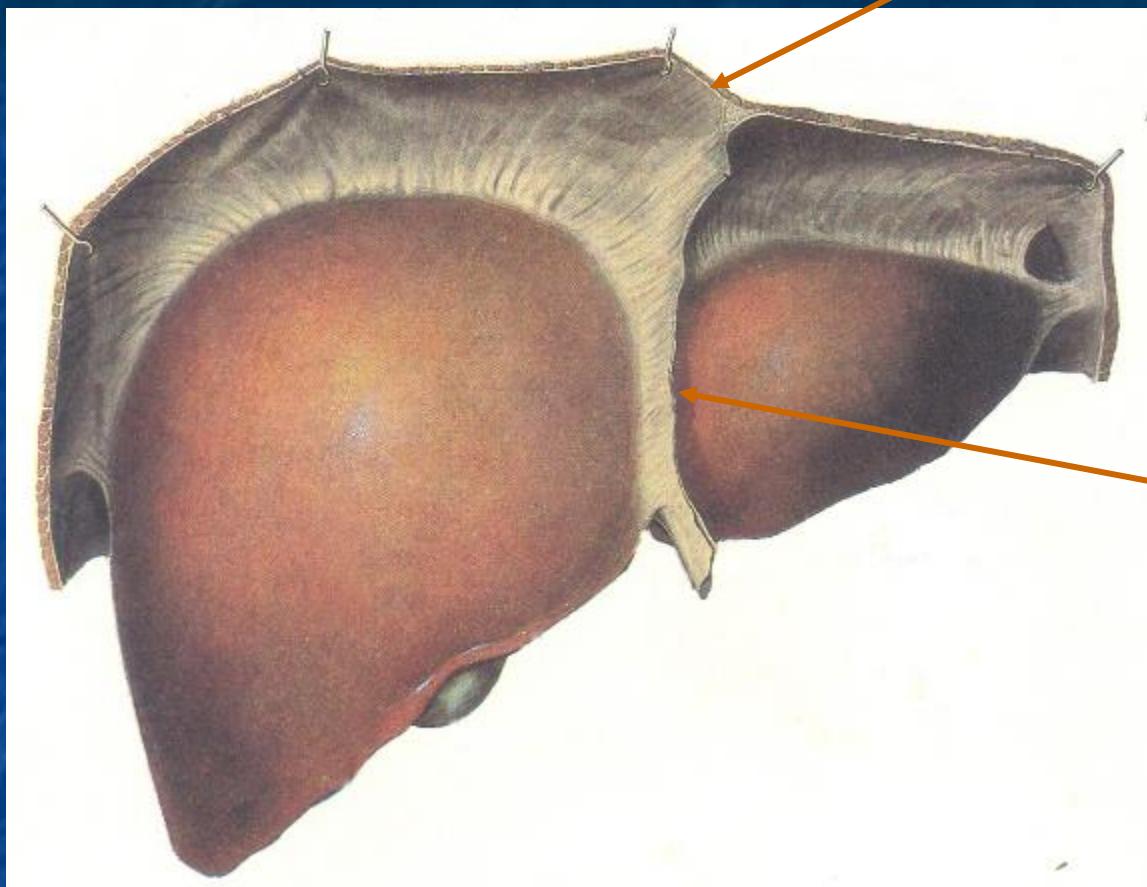
Mạc nối nhỏ: là phúc mạc, nối gan với bờ cong nhỏ của dạ dày và tá tràng, gồm:

D/c gan – vị

D/c gan – tá tràng

Dây chằng tròn gan: Do TM rốn tắc lại và xơ hóa, nối từ rốn đến mặt tang của gan

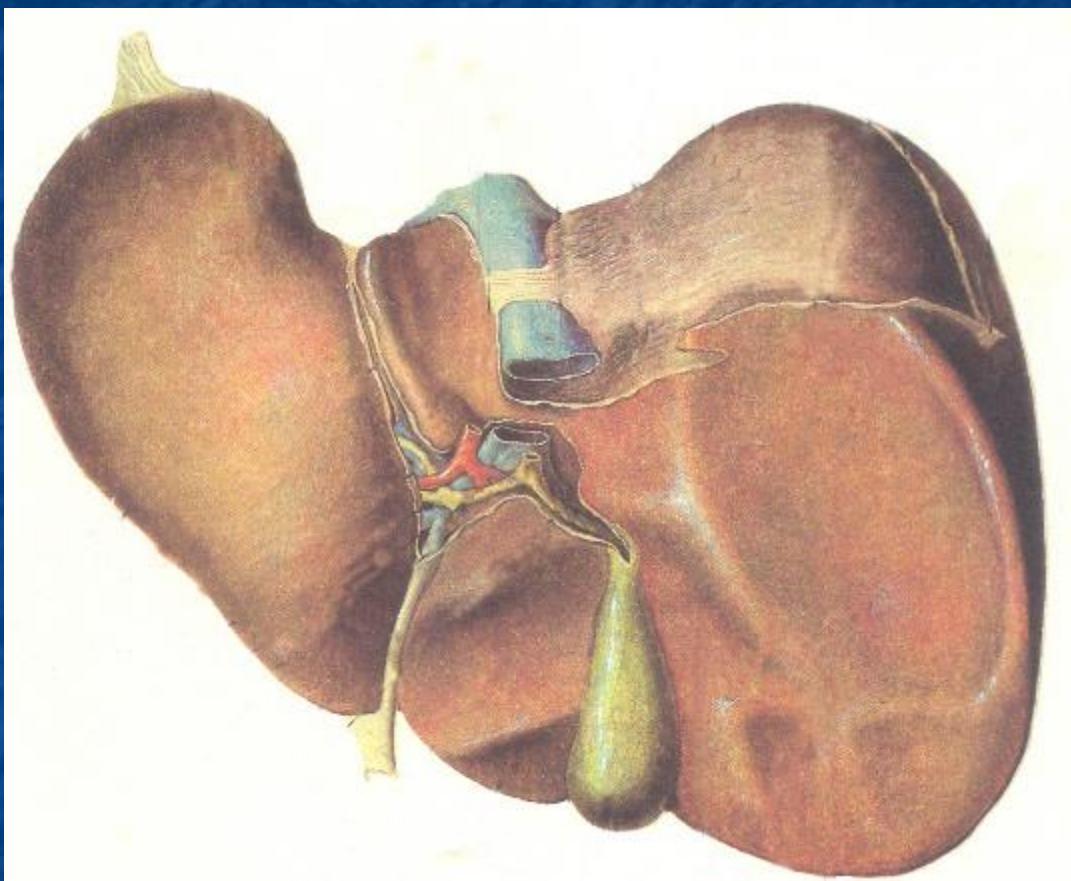
Dây chằng TM

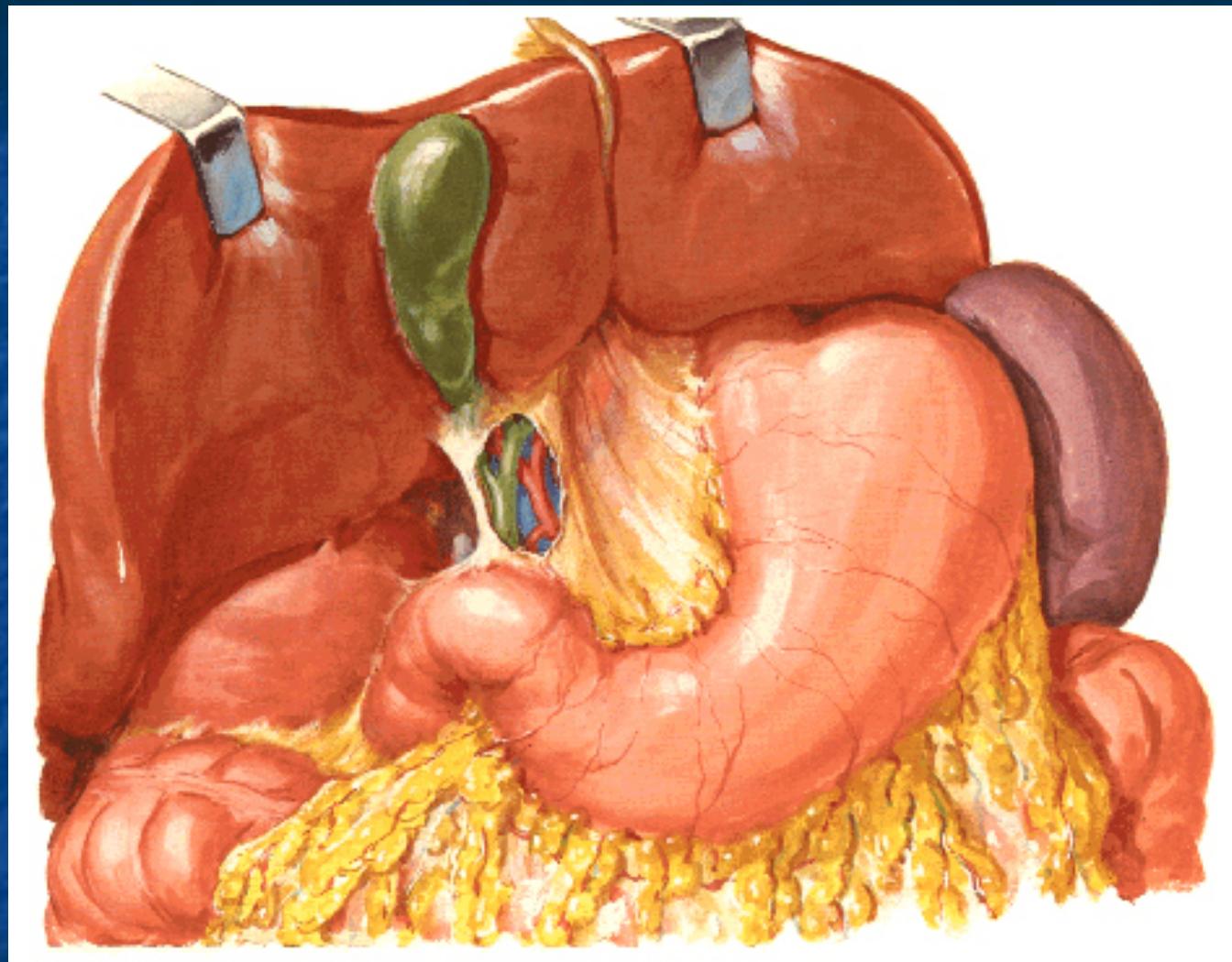


Dây chằng vành

Dây chằng liềm

Mặt hoành của gan: Phần trước





CẤU TẠO VÀ HÌNH THỂ TRONG

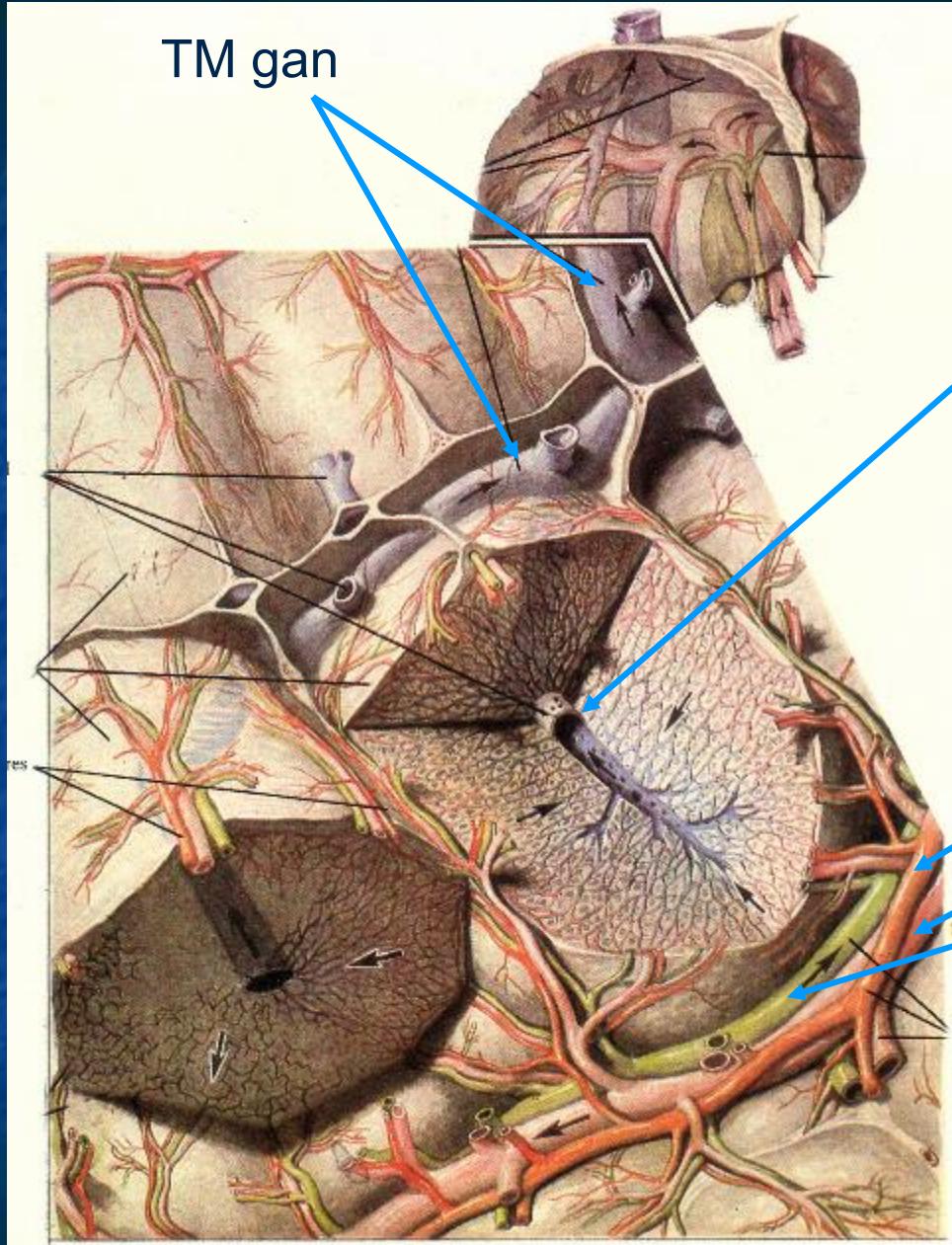
BAO GAN: Gồm hai lớp:

Lớp thanh mạc: Ở ngoài, là lá tạng phúc mạc.

Lớp xơ: Ở trong, giữa lớp thanh mạc và mô gan; đi cùng mạch máu và ống mật vào mô gan tạo nên bao xơ quanh mạch.

MÔ GAN:

Tế bào gan + mạch máu + đường mật



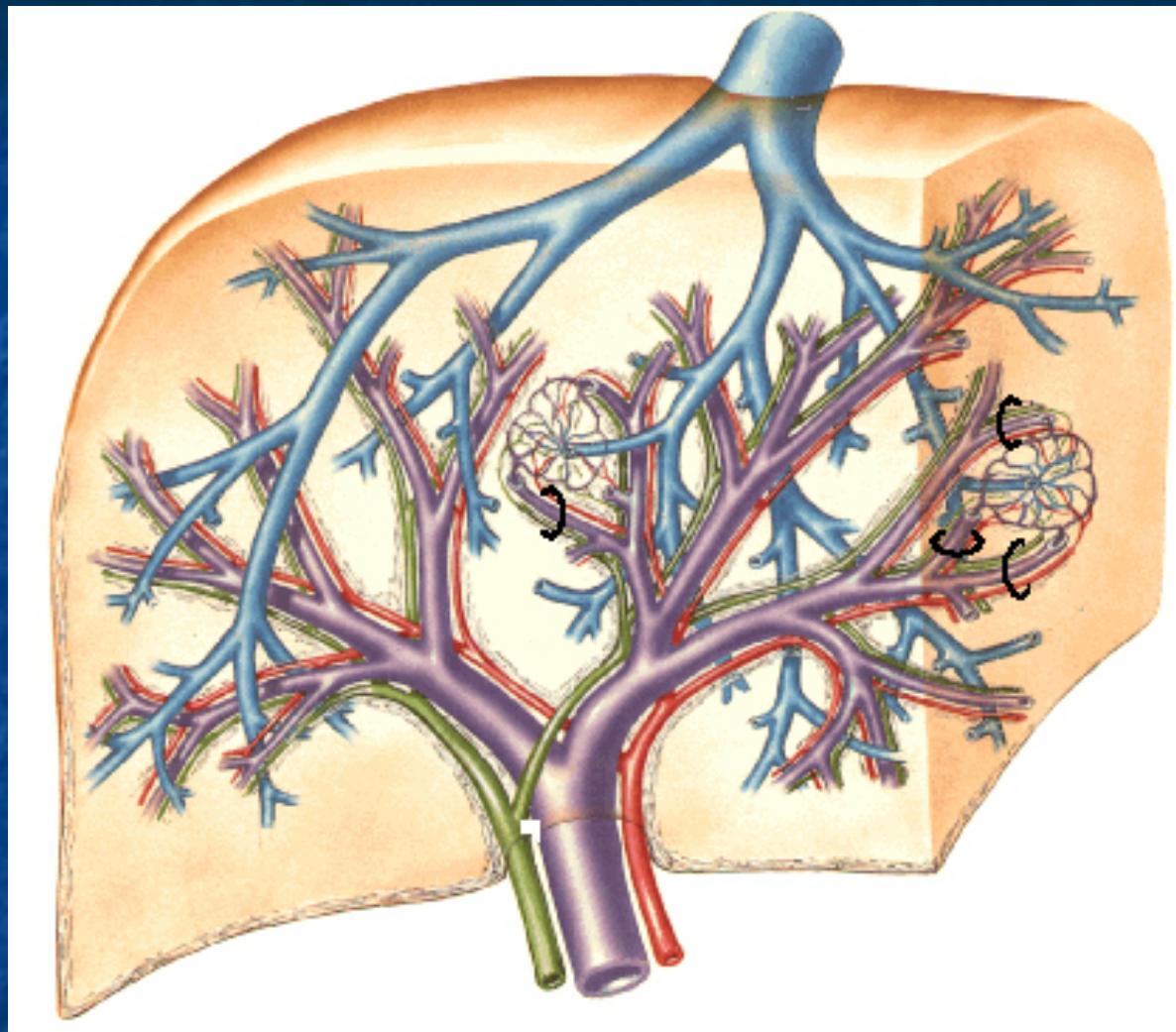
TM gan

TM trung tâm tiêu thụy

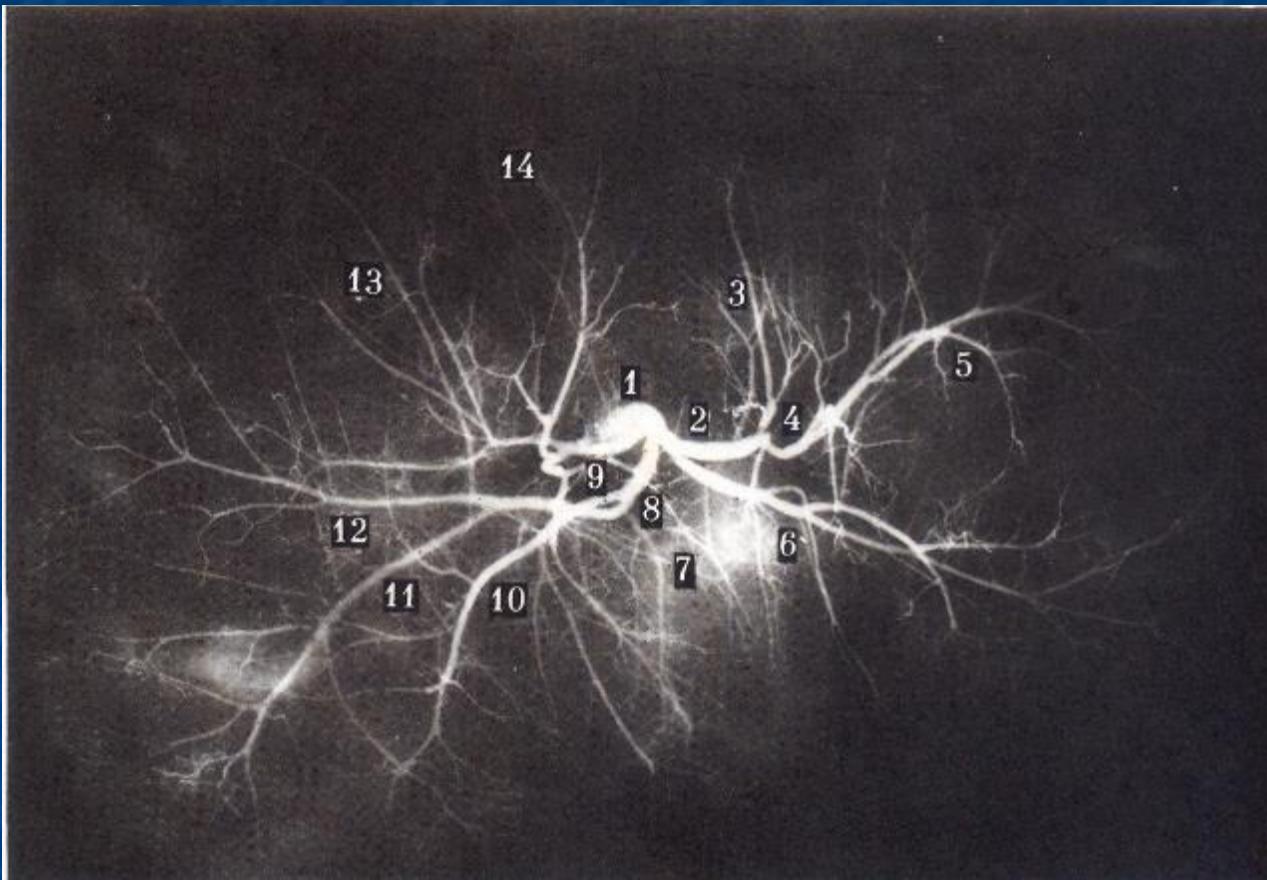
ĐM gan

TM gan

Óng mật



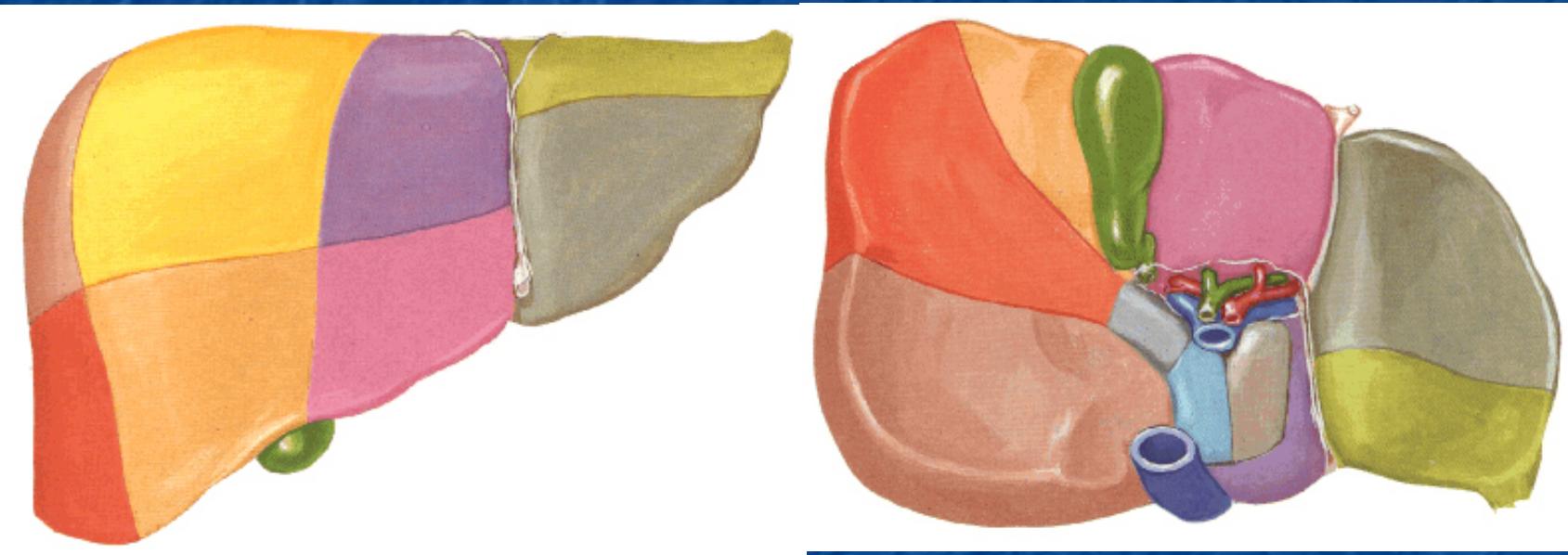




PHÂN THUỲ GAN

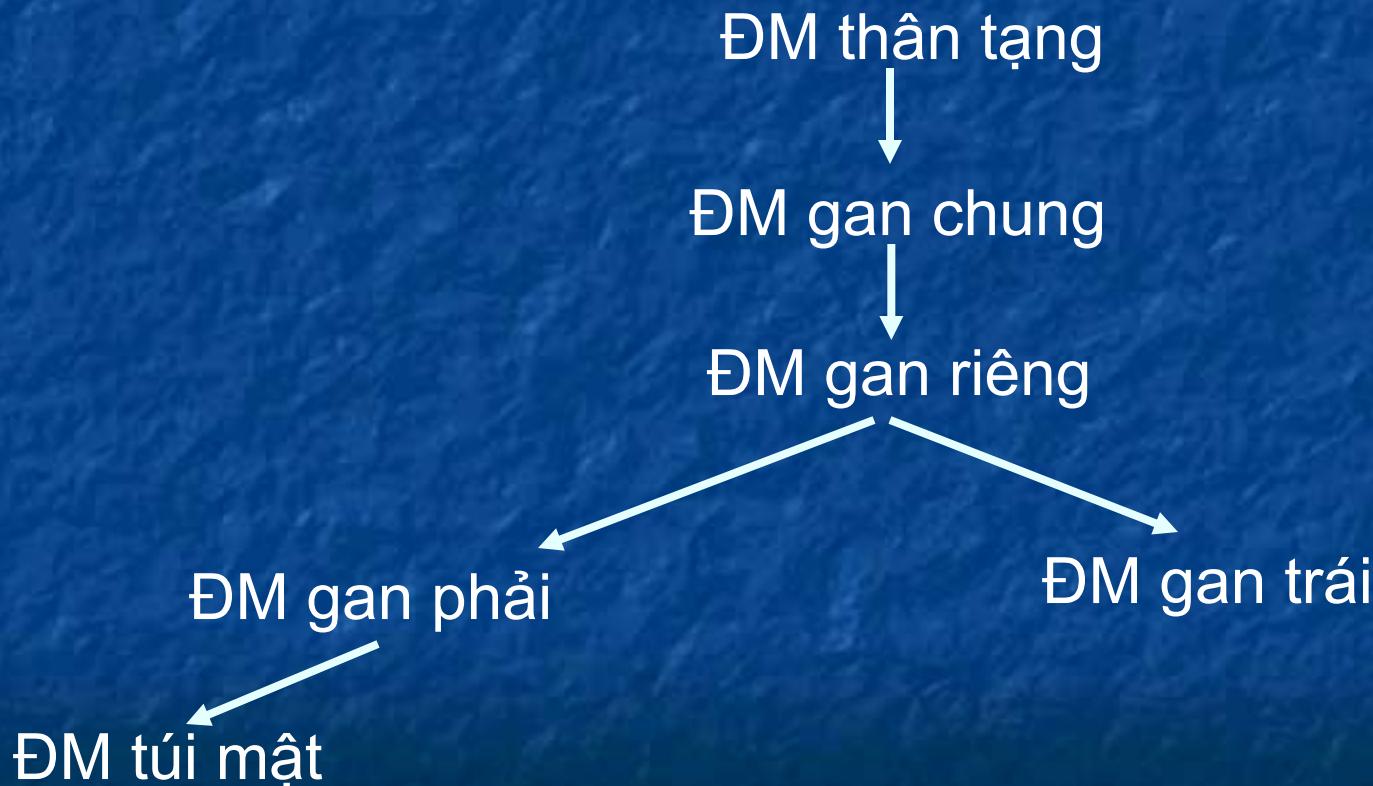
Theo Giải phẫu: Dựa vào hình thể ngoài

Theo phẫu thuật: Dựa vào sự phân bố của đường
mạch mao, gan chia làm 8 hạ phân thuỳ (đọc sách)



MẠCH MÁU

Động mạch



Tĩnh mạch: Ở gan có hai hệ tĩnh mạch: TM gan và TM cửa.

Tĩnh mạch gan:

Bắt đầu từ TM trung tâm tiêu thùy, đổ về ba TM gan (còn gọi là TM trên gan) sau cùng đổ về TM chủ dưới

Tĩnh mạch cửa:

Máu tĩnh mạch từ ống tiêu hóa, tụy, lách,... không
đổ trực tiếp về TM chủ dưới mà đổ về gan bằng hệ thống
TM cửa. Gan nhận máu từ TM cửa để lọc các chất độc rồi
đổ về TM chủ dưới bằng các TM gan.

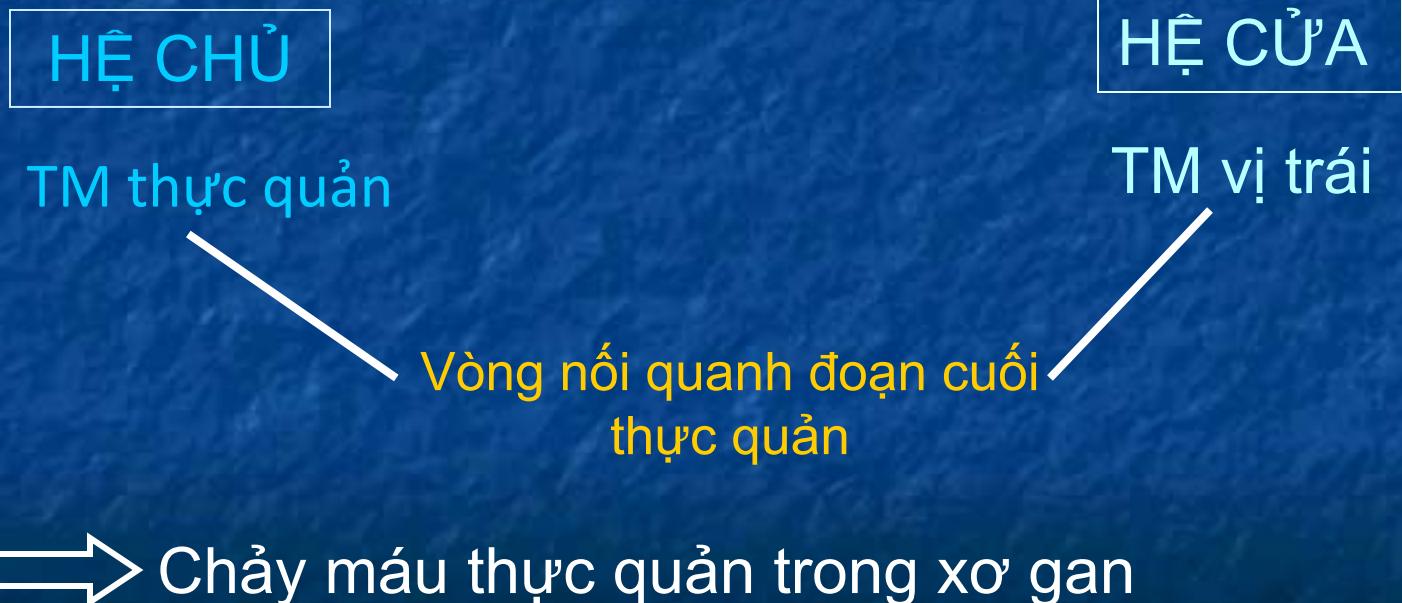
TM lách và **TM mạc treo tràng trên** hợp thành **TM cửa**.

TM lách còn nhận máu từ TM mạc treo tràng dưới. TM túi mật, TM vị phải và TM vị trái đổ trực tiếp vào TM cửa.

TM cửa đi trong mạc nối nhỏ (cùng ĐM gan riêng và ống mật chủ) vào rốn gan (TM cửa ở sâu nhất). Đến rốn gan, TM chia hai nhánh phải và trái để vào nửa gan phải và nửa gan trái.

Vòng nối CỦA – CHỦ

Hệ TM cửa và hệ TM chủ có sự thông nối nhau bên ngoài gan. Khi áp lực TM cửa tăng có thể gây vỡ các TM tại vòng nối này



HỆ CHỦ

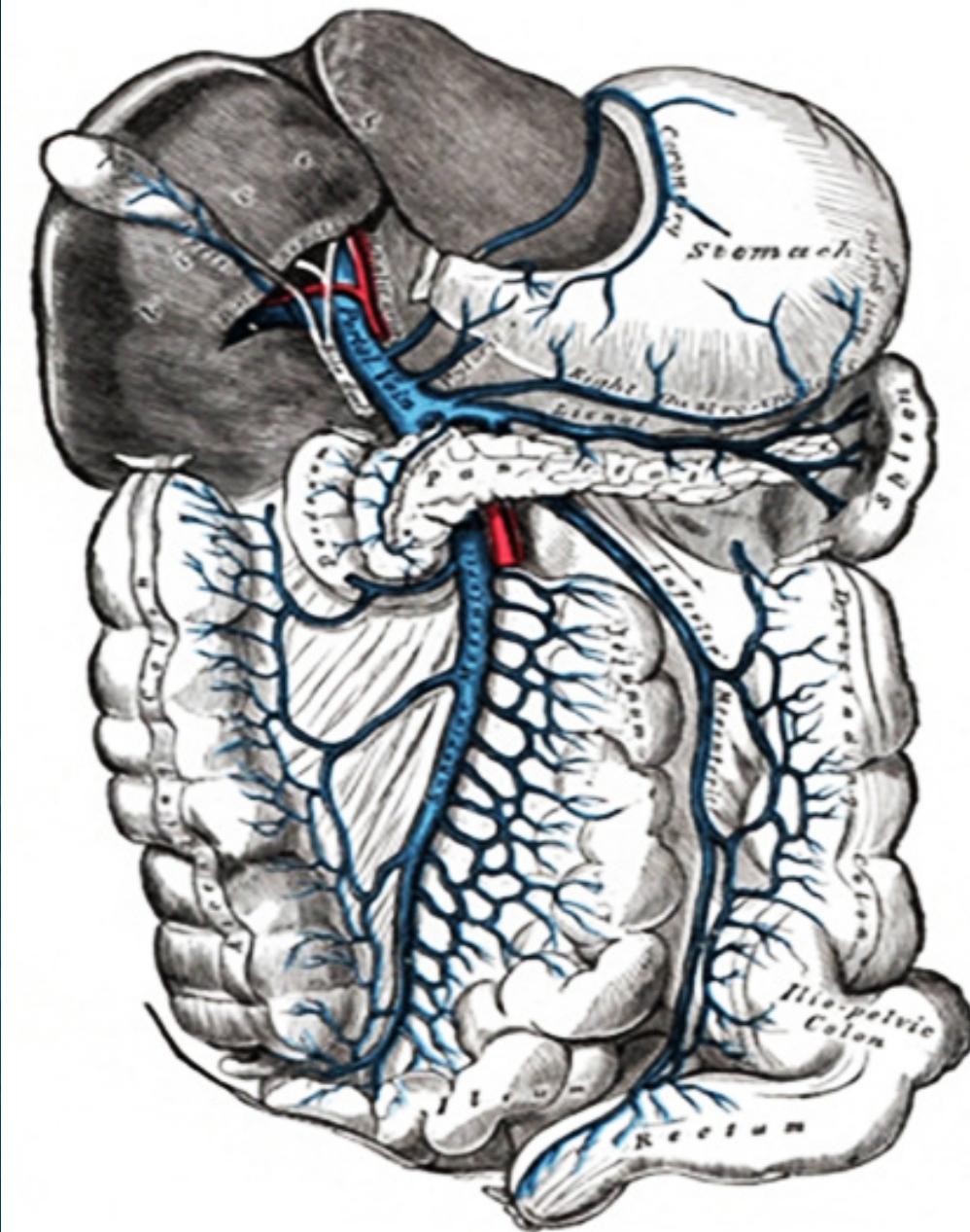
TM trực tràng giữa
TM trực tràng dưới

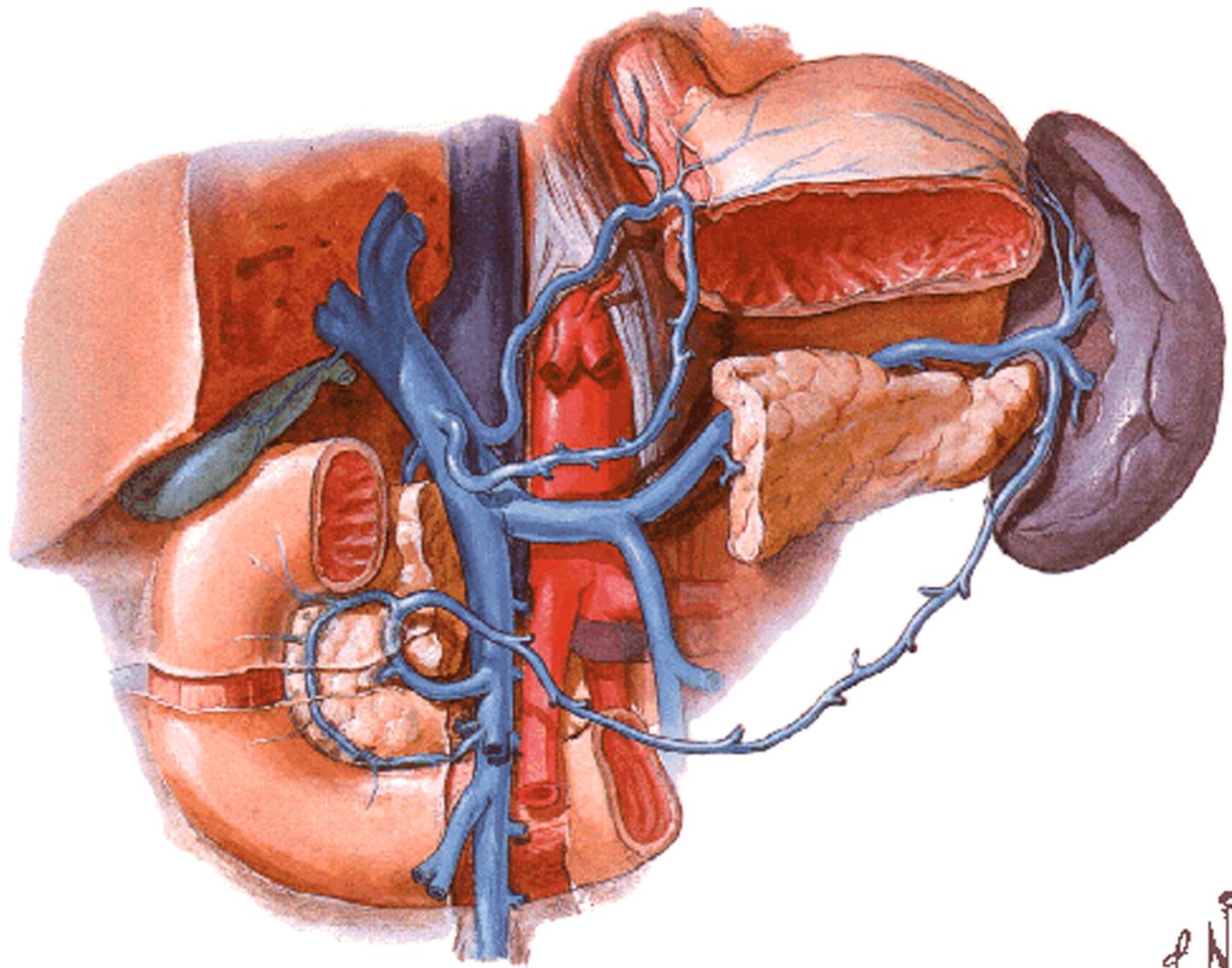
HỆ CỬA

TM trực tràng trên

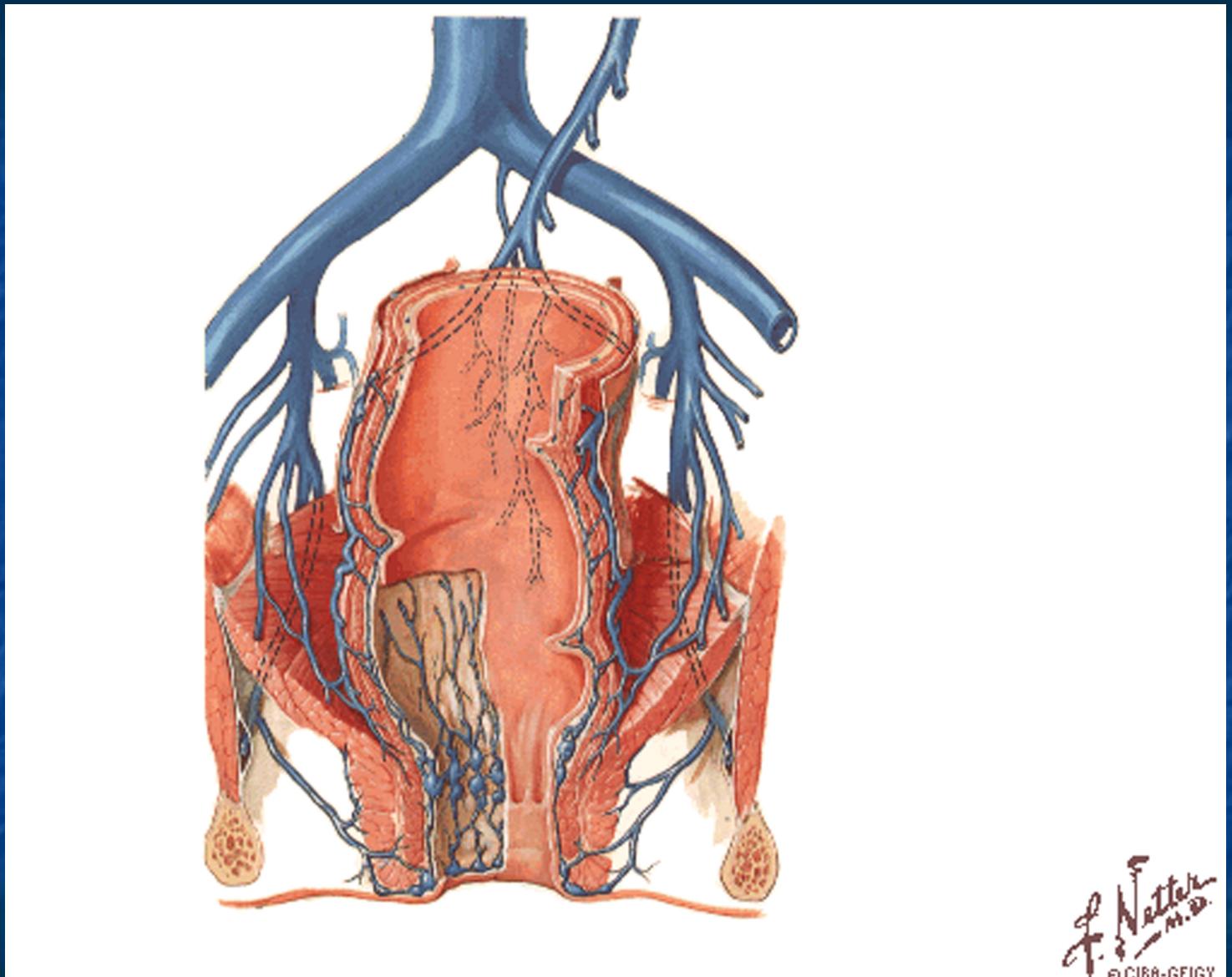
Vòng nối quanh
trực tràng

➡ Chảy máu trực tràng (tri xuất huyết) trong xơ gan





J. Nettler
© CIBA-GEIGY



F. Netter
© CIBA-GEIGY

Dr. Vu

ĐƯỜNG DẪN MẬT NGOÀI GAN

1. ỐNG GAN

TB gan tiết mật đỗ vào tiêu quản mật, sau đó đỗ vào ống gan phải và ống gan trái. Ống gan (P) và ống gan (T) hợp thành ống gan chung.

Ống gan chung chạy đến bờ trên tá tràng nhận ống túi mật tạo thành ống mật chủ.

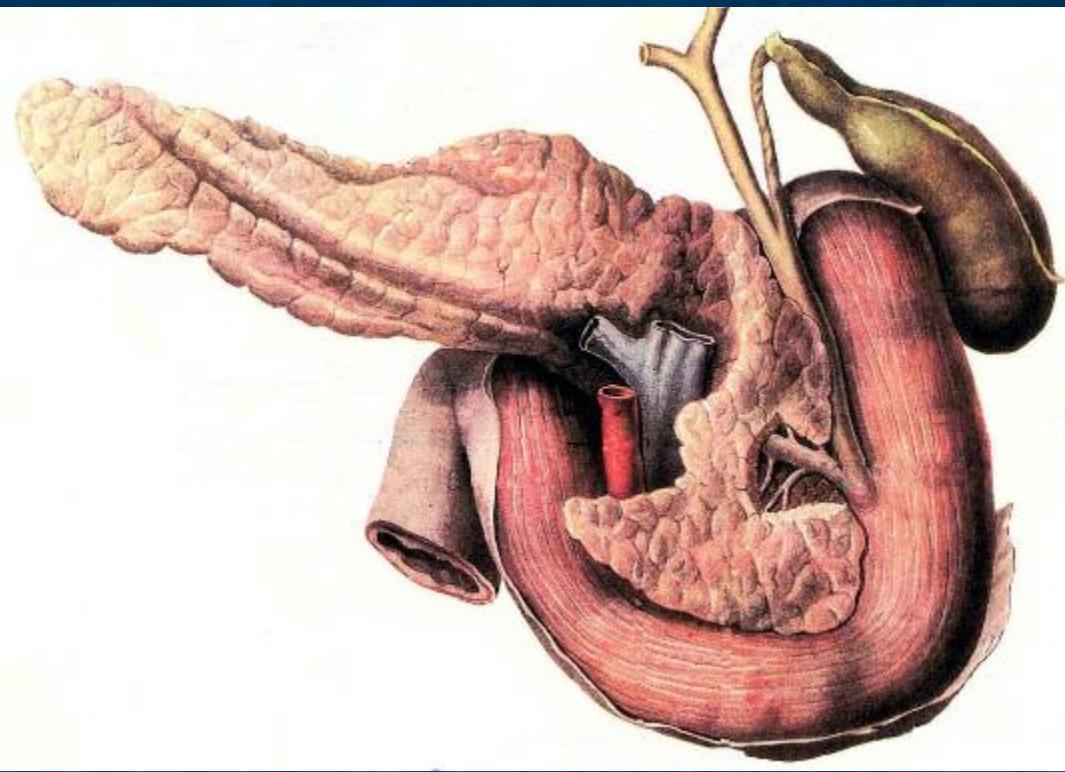
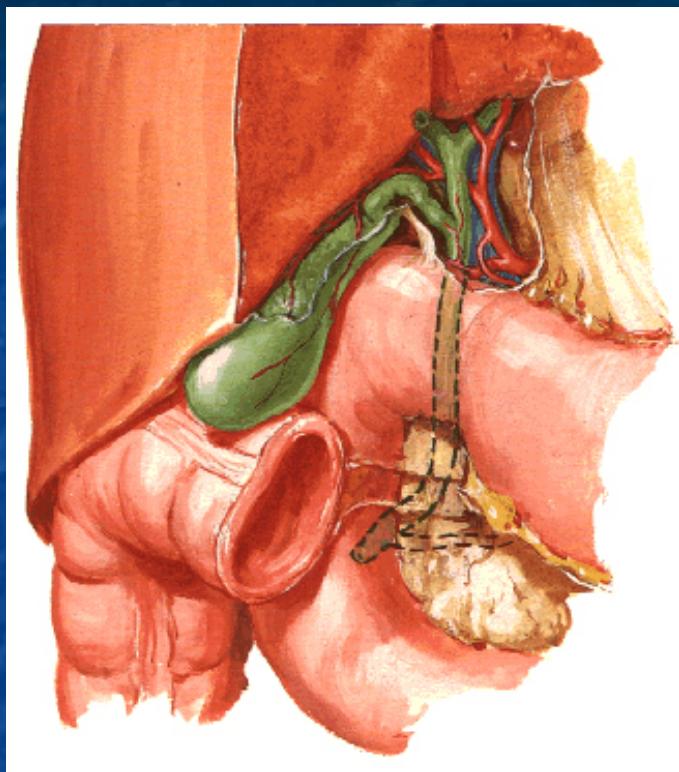
2. ỐNG MẬT CHỦ

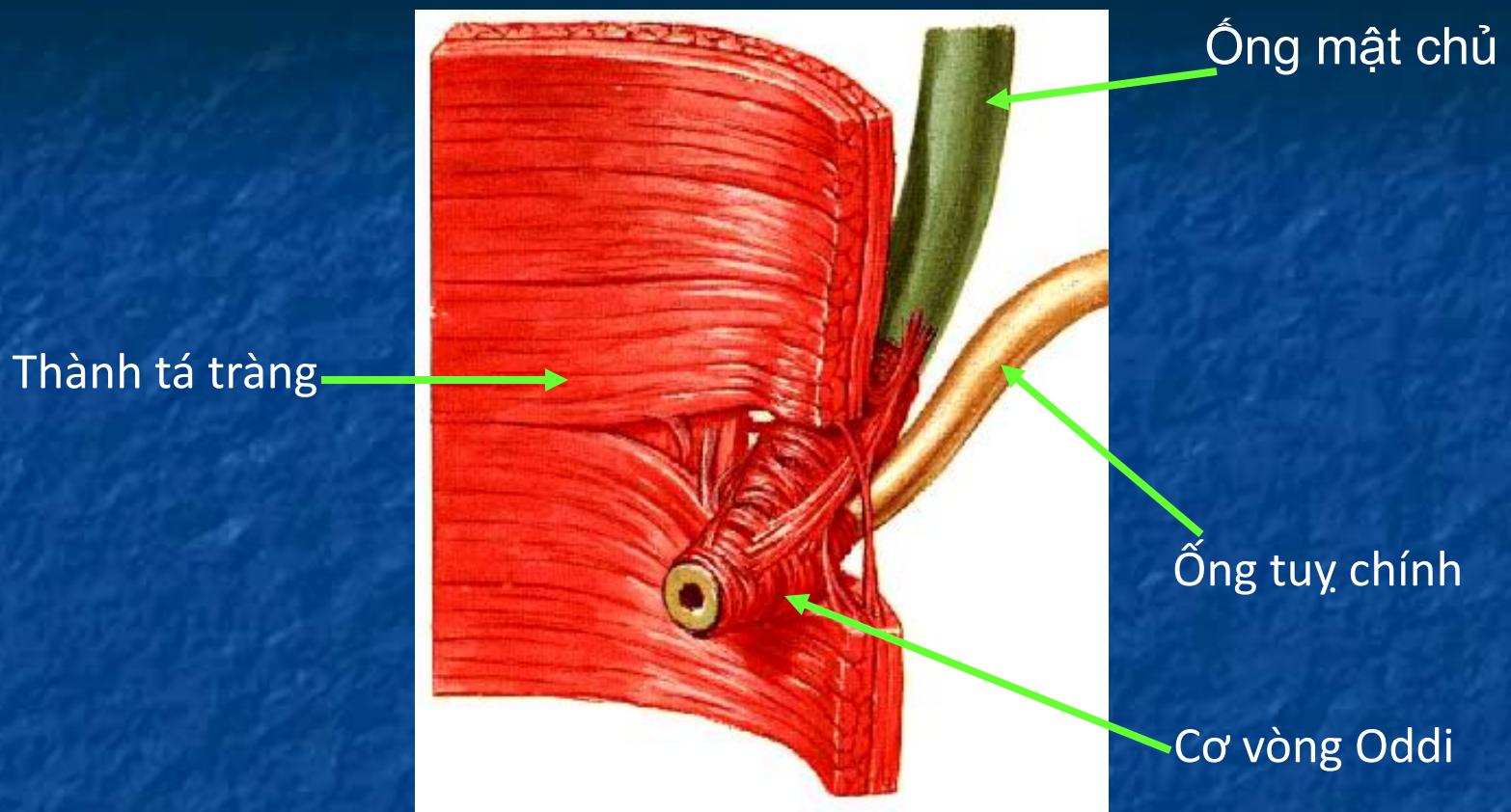
Tù bờ trên phần trên (D1) tá tràng, đi xuống phía sau D1 tá tràng, đến mặt sau đầu tụy rồi đổ vào nhú tá lớn. (Xem bài tụy và tá tràng).

Ống mật chủ dài khoảng 5 – 6cm, đường kính trung bình 5 – 6mm, nơi hẹp nhất khoảng 3mm (*trong thành tá tràng*).

Ông mật chủ được mô tả thành 4 đoạn:

- Đoạn trên tá tràng: đi trong cuống gan, bên trái là ĐM gan riêng, phía sau là TM cửa.
- Đoạn sau tá tràng:
- Đoạn sau tụy:
- Đoạn trong thành tá tràng: hẹp nhất





3. TÚI MẬT

Cô đặc và dự trữ mật.

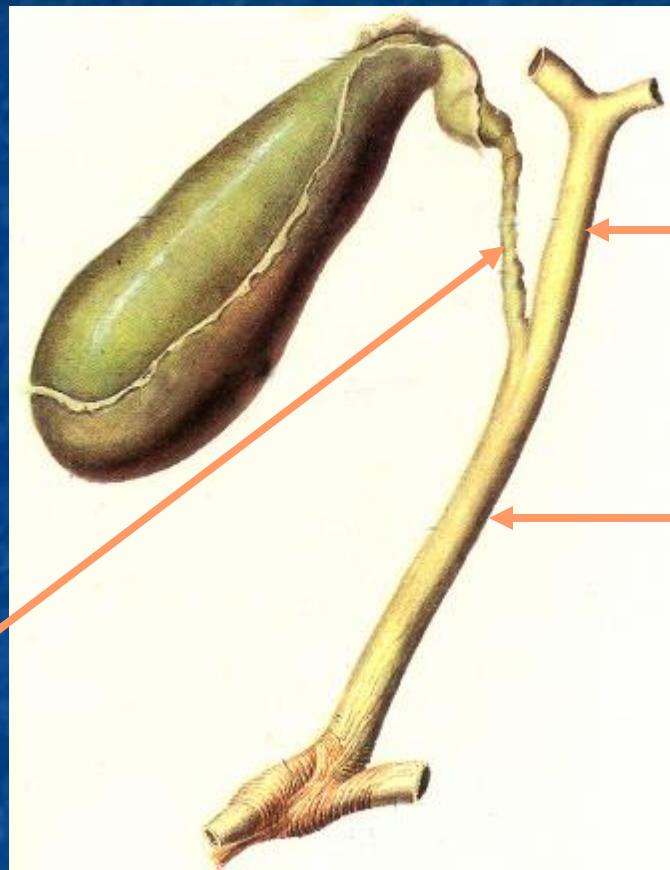
Nằm trong hố túi mật (giường túi mật). Giường túi mật không có phúc mạc phủ.

Ba phần: Đầu, thân , cổ túi mật. Đầu túi mật nằm tại điểm giao nhau giữa bờ sườn phải và bờ ngoài cơ thằng bụng (Điểm Murphy).

4.ỐNG TÚI MẬT

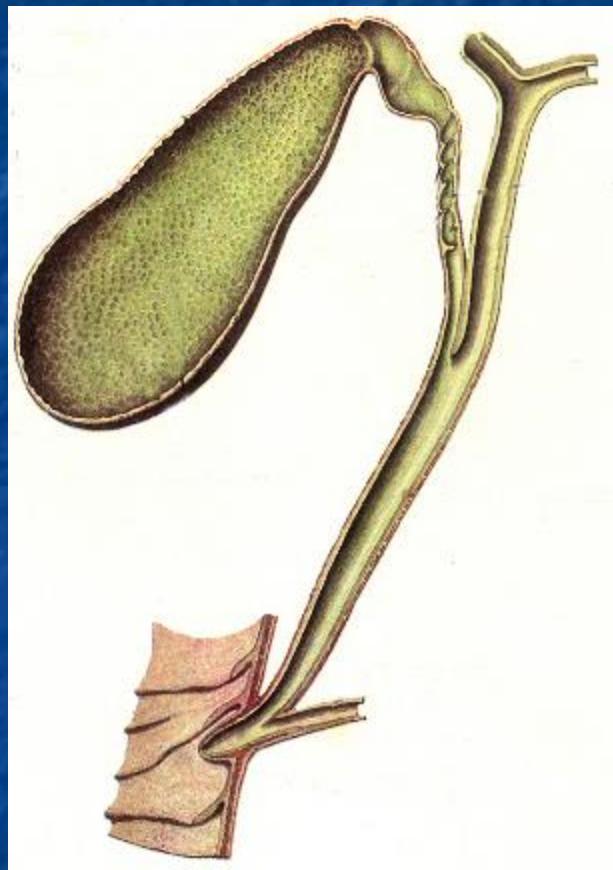
Dẫn mật từ túi mật ra ống mật chủ

Ống túi mật



Ống gan chung

Ống mật chủ



Tóm tắt

- Gan là một tạng đặc nằm ở tầng trên mạc treo kết tràng ngang. Gan có 2 mặt là mặt hoành và mặt tạng và một bờ là bờ dưới. Mặt tạng có rốn gan, nơi có động mạch gan, tĩnh mạch cửa và ống gan đi qua.
- Bình thường gan không sờ được khi thăm khám.
- Gan di động theo nhịp thở.
- Theo hình thể ngoài, gan chia thành 4 thuỳ. Theo phẫu thuật, gan chia 8 hạ phân thuỳ.
- Gan nhận máu từ lách và các tạng ống tiêu hoá qua tĩnh mạch cửa. Máu từ gan đổ về tĩnh mạch chủ dưới qua tĩnh mạch gan.
- Hệ thống dẫn mật ngoài gan gồm ống gan phải, ống gan trái, ống gan chung, túi mật và ống túi mật, ống mật chủ. Ống túi mật và túi mật gọi là ống mật phụ.